

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 7 - 2024.

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Đoàn và bà Vũ Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 3 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Tr kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 04 tháng 8 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam được đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm, anh Tr hay uống rượu say không làm chủ được bản thân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi

nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 12 năm 2023, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr để chị ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 3 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, anh Trần Văn Tr là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân của vợ chồng anh đúng như chị L trình bày. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì nhưng không hiểu vì lý do gì mà từ cuối năm 2023 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đã nhiều lần liên lạc đề chị L về đoàn tụ với anh nhưng chị L không nghe. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn chị L rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Chị L, anh Tr thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có hai người con chung là cháu Trần Văn Ngh, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai cháu ở với chị L. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả hai con cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị Liên.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. 1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn Tr. 2. Con chung: Giao cháu Trần Văn Ngh, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho chị Liên trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị L. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Văn Tr là bị đơn; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng. Anh Trần Văn Tr là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn Tr kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị L, anh Tr chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Theo các tài liệu xác minh tại địa phương và lời thừa nhận của các đương sự thì vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2023, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh Tr là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị L, anh Tr thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có hai người con chung là cháu Trần Văn Ngh, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai cháu ở với chị L, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt đảm bảo về mọi mặt. Ý kiến của cháu Ngh, cháu Đ đều xin được ở với mẹ. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả hai con cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị L. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn Tr.

2. Con chung: Giao cháu Trần Văn Ngh, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000110 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt